TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HCPT
Ngày: 05/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 353/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15003/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B

Nơi ĐKHKTT: Bản LH 3, xã BH, huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ liên hệ: P102 - D10, phố TT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Phú T và ông Ngô Tiến B. Cùng địa chỉ: P102 - D10, phố TT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (Ông T vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tiến T - Luật sư công ty Luật TNHH Trung Nguyễn. Địa chỉ: P102 - D10, phố TT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (Có mặt).

***** Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BY, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Số 106, đường VNG, thị trấn PR, huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H - Phó Chủ tịch UBND huyện BY (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 106, đường VNG, thị trấn PR, huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện BY.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện BY (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 31/8/2022, Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn L là người đại diện của bà Nguyễn Thị B với nội dung: "*Giữ nguyên văn bản số 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY, chấm dứt hành vi hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành…*"

Bà Nguyễn Thị B cho rằng, Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND là chưa chính xác, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì những lý do sau:

Thứ nhất, đối với mục III - Kết quả đối thoại tại Quyết định số 3273/QĐ-UBND: Theo kết quả đối thoại tại Quyết định số 3273/QĐ-UBND thể hiện UBND huyện tổ chức đối thoại 03 lần, trong đó lần 2 và lần 3 đại diện người khiếu nại vắng mặt nên buổi đối thoại không thành, tuy nhiên Quyết định số 3273/QĐ-UBND nêu chưa đầy đủ và chưa đúng. Cụ thể:

Ngày 26/11/2020, UBND huyện BY ban hành Giấy mời số 1841/GM-UBND v/v mời đối thoại với nội dung "*Thời gian: 1/2 ngày, từ 14 giờ 00 ngày 27/11/2020 (thứ sáu); Địa điểm: tại phòng họp số 2, tầng 3, trụ sở UBND huyện Bảo Yên*". Theo đó, vào hồi 14 giờ 00 ngày 27/11/2020, ông Nguyễn Phú T (người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B) cùng luật sư Nguyễn Tiến T (người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Nguyễn Thị B) có mặt tại phòng họp số 2 - tầng 3 trụ sở UBND huyện BY để tham dự buổi đối thoại theo Giấy mời số 1841/GM-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện BY. Tuy nhiên, trong suốt buổi làm việc ngày 27/11/2020, đại diện UBND huyện BY cùng người bị khiếu nại (Chủ tịch UBND huyện BY) đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, sự vắng mặt của người bị khiếu nại (Chủ tịch UBND huyện BY) và đại diện UBND huyện BY không có lý do và không thông báo trước cho những người tham gia đối thoại là thể hiện sự thiếu trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ công chức là người đứng đầu (điều 10 - Luật cán bộ, công chức); Chủ tịch UBND huyện BY còn vi phạm nghĩa vụ của người bị khiếu nại về việc tham gia đối thoại, tổ chức đối thoại (điều 13, 14 - Luật khiếu nại). Vì nhận thấy người bị khiếu nại (Chủ tịch UBND huyện BY) có hành vi thiếu trách nhiệm và không tôn trọng đối với người khiếu nại, không tôn trọng đối với người giải quyết khiếu nại; do vậy, vào các ngày

10/12/2020 và ngày 30/12/2020 UBND huyện BY tổ chức đối thoại lần 2 và lần 3 thì người khiếu nại cũng như người đại diện theo ủy quyền của người khiếu nại đã không có mặt và đã gửi đơn đề nghị không tiếp tục tổ chức đối thoại.

Thứ hai, đối với kết luận thứ nhất tại mục IV của Quyết định số 3273/QĐ-UBND: Kết luận thứ nhất có nội dung: *"... Ngày 24/9/2020, UBND huyện ban hành văn bản số 107/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của hộ bà Nguyễn Thị B ở Bản LH 3, xã BH. Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về thời gian giải quyết, trả lời đối với đơn kiến nghị, phản ánh của công dân* ".

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 28 Luật tiếp công dân quy định:

"*1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một trong các nội dung sau đây:*

a) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được thụ lý để giải quyết;

b) Việc xem xét khiếu nại, tố cáo để thụ lý cần kéo dài thời gian do cần xác minh thêm theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo;

c) Từ chối thụ lý đối với khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình hoặc không đủ điều kiện thụ lý;

d) Nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết."

Phần II, mục 3 (xử lý đơn tại cấp huyện) của Quyết định số 1346/QĐ-TTCP ngày 27/5/2015 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính về xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ có quy định:

"- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

- Cơ quan thực hiện: Chủ tịch UBND cấp huyện, Chánh Thanh tra huyện (Cơ quan có thẩm quyền quyết định);

- Kết quả thực hiện: Văn bản trả lời, văn bản hướng dẫn, văn bản chuyển đơn hoặc văn bản thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh".

Đối chiếu quy định pháp luật nêu trên, UBND huyện BY ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND với kết luận trên là không chính xác vì đã có quy định cụ thể của pháp luật về việc tiếp công dân và xử lý đơn kiến nghị của công dân.

Thứ ba, đối với kết luận thứ hai tại mục IV của Quyết định số 3273/QĐ-UBND: *"Tại thời điểm chuyển nhượng ngày 08/11/2010 ông Đỗ Xuân H vợ là Bùi Thị H chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B (Hai thửa đất 142, 163 tờ bản đồ số 128 của ông Đỗ Xuân H vợ là Bùi Thị H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), việc Chủ tịch UBND xã BH xác nhận vào giấy chuyển nhượng là chưa đúng theo điểm a, khoản 1 Điều 106, Luật Đất đai*

năm 2003. Như vậy, việc người khiếu nại đề nghị công nhận việc chuyển nhượng đã diễn ra hợp pháp và đúng quy định là không có cơ sở. (Khiếu nại sai) ...”

Tuy nhiên do thửa đất số 142, 163 tờ bản đồ số 128 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên tại thời điểm chuyển nhượng thì ông Đỗ Xuân H, bà Bùi Thị H với bà B đã cùng nhau lập giấy chuyển nhượng đất vào ngày 12/11/2010 trước sự chứng kiến của cán bộ địa chính cũng như chủ tịch UBND xã BH.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2021/HC-ST ngày 21/9/2021 của TAND tỉnh Lào Cai đã nhận định như sau: *“...Ngày 08/11/2010, bà Bùi Thị H và ông Đỗ Xuân H đã chuyển nhượng 1890 m2 đất cho bà Nguyễn Thị B. Hai bên đã lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có xác nhận của UBND xã BH. Từ khi nhận chuyển nhượng bà B đã sử dụng diện tích đất liên tục, ổn định đến thời điểm hiện tại. Mặc dù, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H, ông H với bà B chưa đúng theo quy định của Luật đất đai, tuy nhiên việc mua bán đất đã được người bán đất là bà H, ông H và UBND xã BH công nhận. Thực tế bà B là người sử dụng đất từ năm 2010 và hiện đang là người quản lý, sử dụng diện tích 1890 m2. Việc Nhà nước thu hồi, bồi thường khi thu hồi diện tích này làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà B. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện BY cho rằng nội dung khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà B là không đúng pháp luật ...*”

Từ những phân tích trên cho thấy, việc chuyển nhượng đất nêu trên là sự thoả thuận giữa các bên (giữa ông Đỗ Xuân H, bà Bùi Thị H với bà B). Mặc dù, việc chuyển nhượng chưa thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định nhưng thực tế đã diễn ra và đã được cán bộ địa chính, Chủ tịch UBND xã BH xác nhận. Đồng thời, tại bản án hành chính sơ thẩm số 27/2021/HC-ST ngày 21/9/2021 của TAND tỉnh Lào Cai cũng nhận định Chủ tịch UBND huyện BY cho rằng nội dung khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà B là không đúng pháp luật. Như vậy bà B đang là người quản lý và sử dụng thực tế diện tích 1890m^2, do đó khi nhà nước thu hồi, bồi thường diện tích này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà B.

Thứ tư, đối với kết luận thứ ba tại mục IV của Quyết định số 3273/QĐ-UBND:*“... việc chuyển nhượng đất và hoa mầu chưa hoàn thiện các thủ tục đúng quy định của Luật Đất đai nên người nhận chuyển nhượng không có đủ các giấy tờ theo quy định để hưởng các quyền lợi hợp pháp của 02 thửa đất số 142, 163 theo quy định của pháp luật. Việc người khiếu nại đề nghị xem xét quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B tại hai thửa đất số 142 và 163 là không có căn cứ ...*”

Mặc dù, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H, ông H và bà B chưa đúng theo quy định của Luật đất đai nhưng việc mua bán đất đã được người bán đất là bà H, ông H và UBND xã BH công nhận. Thực tế, bà B là người sử dụng đất ổn định từ năm 2010, trồng cây ăn trái và không có tranh chấp với ai đối với diện tích đất 1890m^2. Việc Nhà nước thu hồi, bồi thường khi thu hồi diện tích

này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người trực tiếp quản lý, sử dụng đất là bà B.

Bên cạnh đó, khi xác minh với trưởng Bản LH 2 và những người dân sinh sống xung quanh thửa đất mà bà B đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Đỗ Xuân H, bà Bùi Thị H đều xác nhận: *"Biết việc mua bán đất giữa vợ chồng ông Đỗ Xuân H, bà Bùi Thị H với chị Nguyễn Thị B; chị Nguyễn Thị B là người quản lý và sử dụng thửa đất số 142, 163 tờ bản đồ số 128 từ khi mua của vợ chồng ông H, bà H từ tháng 11/2020 đến nay; Sau khi mua thửa đất số 142, 163 chị B có trồng những cây ăn quả như cây vải, cây xoài, cây gỗ xưa; việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có chính sách đền bù hỗ trợ và tái định cư đối với chị B là rất thiệt thòi cho chị B. Các cơ quan thực hiện dự án cần xem xét các quy định pháp luật và tình hình thực tế để ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thoả đáng cho chị B"*.

Ngoài ra, bà B luôn thực hiện và chấp hành đúng chính sách của nhà nước về việc thu hồi đất, từ khi nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông H và bà H, bà đã nhiều lần làm hồ sơ để xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Như vậy, khi thực hiện dự án theo Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh Lào Cai, các cơ quan có thẩm quyền và liên quan cần áp dụng chính sách đền bù, hỗ trợ tái định cư cũng như xem xét đến quyền lợi của người sử dụng đất thực tế là bà B chứ không phải là ông Đỗ Xuân H và bà Bùi Thị H.

Từ những phân tích trên cho thấy Quyết định số 3273/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện BY ban hành chưa chính xác, căn cứ chưa đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Vì vậy, bà B đề nghị TAND tỉnh Lào Cai giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện BY về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn L, địa chỉ: P102 -D10, phố TT, Đống Đa, Hà Nội (Lần đầu).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện BY thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; cụ thể: Giải quyết khiếu nại và chấp nhận các vấn đề khiếu nại theo đơn khiếu nại ghi ngày 28/9/2020 (của người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị B) khiếu nại đối với văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đối với nội dung khiếu nại của bà B về việc: *Tại thời điểm ông Đỗ Xuân H và bà Bùi Thị H thực hiện việc chuyển nhượng 02 thửa đất số 142, 163 cho bà Nguyễn Thị B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy các bên đã cùng nhau lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2010 trước sự xác nhận của cán bộ địa chính cũng như Chủ tịch UBND xã BH. Như vậy việc chuyển nhượng 02 thửa đất trên là sự thống nhất thỏa thuận giữa hai bên (mua và bán), mặc dù chưa thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định nhưng thực tế việc chuyển nhượng đã diễn ra.*

Qua xem xét tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết khiếu nại và giấy chuyển nhượng đất, hoa màu lập ngày 08/11/2010 của ông Đỗ Xuân H và vợ là Bùi Thị H. Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 106, Luật Đất đai năm 2003, thì tại thời điểm chuyển nhượng ngày 08/11/2010 ông Đỗ Xuân H và bà Bùi Thị H chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B (*Hai thửa đất 142, 163 tờ bản đồ 128 của ông Đỗ Xuân H vợ là Bùi Thị H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*), việc Chủ tịch UBND xã BH xác nhận vào giấy chuyển nhượng là chưa đúng theo điểm a, khoản 1, Điều 106, Luật Đất đai năm 2003. Như vậy, việc người khiếu nại đề nghị công nhận việc chuyển nhượng đã diễn ra hợp pháp và đúng quy định là không có cơ sở.

Đối với nội dung khiếu nại: *Tại văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY, chưa xem xét đến quyền lợi của người trực tiếp quản lý, sử dụng đất tại thửa số 142, 163 đối với bà Nguyễn Thị B. Vì bà B đã trực tiếp quản lý, sử dụng, trồng các loại cây ăn trái ổn định, không tranh chấp với ai.*

Theo nội dung trên, việc chuyển nhượng đất và hoa màu chưa hoàn thiện các thủ tục theo đúng quy định của Luật Đất đai nên người nhận chuyển nhượng không có đủ các giấy tờ theo quy định để hưởng các quyền lợi hợp pháp của 02 thửa đất số 142, 163 theo quy định của pháp luật. Việc người khiếu nại đề nghị xem xét quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B tại hai thửa đất số 142, 163 là không có căn cứ.

Từ các căn cứ đã nêu ở trên, UBND huyện BY đề nghị Tòa án không chấp nhận các nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã căn cứ vào khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện BY về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn L, địa chỉ: P102 -D10, phố TT, Đống Đa, Hà Nội (Lần đầu).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện BY thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; cụ thể: Giải quyết khiếu nại và chấp nhận các vấn đề khiếu nại theo đơn khiếu nại ghi ngày 28/9/2020 (của người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị B) khiếu nại đối với văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà B cho rằng kết luận của Chủ tịch UBND huyện BY tại Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 là trái quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật tiếp công dân; sai nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, từ đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tuyên hủy Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện BY, buộc Chủ tịch UBND huyện BY tiếp tục giải quyết khiếu nại và chấp nhận các vấn đề khiếu nại theo đơn khiếu nại của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đủ theo các quy định của Luật Tố tụng Hành chính, các đương sự đã được tham gia hỏi, tranh tụng, trình bày quan điểm của mình. Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện BY về việc giải quyết khiếu nại; buộc Chủ tịch UBND huyện BY thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể: Giải quyết khiếu nại và chấp nhận các vấn đề khiếu nại theo đơn khiếu nại ghi ngày 28/9/2020 khiếu nại đối với văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY. Đây là các quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành, thực hiện hoặc không thực hiện trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B và đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 14/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là trong thời hạn một năm, còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Kháng cáo của Người khởi kiện hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã gửi văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo thủ tục chung.

** Về nội dung:*

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện BY về việc giải quyết khiếu nại:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011 thì Quyết định số 3273/QĐ-UBND được Chủ tịch UBND huyện BY ban hành là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về thời hạn giải quyết khiếu nại:

Ngày 28/9/2020 UBND huyện BY nhận được đơn khiếu nại, ngày 07/10/2020 ra thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại, ngày 31/8/2022 Chủ tịch UBND huyện BY ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Theo quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại thì việc giải quyết có vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, tuy nhiên do trước đó Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định đình chỉ số 225/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 và Quyết định này bị bản án TAND tỉnh Lào Cai hủy bỏ, buộc Chủ tịch UBND huyện giải quyết lại. Vì vậy ngày 31/8/2022 Chủ tịch UBND huyện BY ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 3273/QĐ-UBND. Do đó vi phạm này xét thấy không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[4.3] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Do không đồng ý với văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY; Ngày 28/9/2020 ông Đỗ Văn L và bà Lê Thị Thương (Là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B) có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện BY. Sau khi nhận đơn khiếu nại, ngày 07/10/2020 UBND huyện BY ban hành thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại ngày 22/10/2020, Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 2816/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Tổ xác minh đã tiến hành xác minh, đối thoại với người khiếu nại. Ngày 29/01/2021 Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B với lý do nội dung khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. Không đồng ý với quyết định số 225/QĐ-UBND, bà B đã khởi kiện vụ án hành chính đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện BY và buộc Chủ tịch UBND huyện

BY tiếp tục giải quyết khiếu nại. Tại Bản án số 27/2021/HC-ST ngày 21/9/2021 của TAND tỉnh Lào Cai đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B, hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện BY và buộc Chủ tịch UBND huyện BY tiếp tục giải quyết theo thủ tục khiếu nại đối với đơn khiếu nại của bà B. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án số 27/2021/HC-ST của TAND tỉnh Lào Cai bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị phúc thẩm. Ngày 01/7/2022 TAND cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định số 59/2022/QĐ-PT đình chỉ xét xử phúc thẩm, bản án số 27/2021/HC-ST của TAND tỉnh Lào Cai có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật, Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn L. Như vậy, việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện BY đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại và Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.

[5] Về nội dung quyết định:

[5.1] Bà Nguyễn Thị B cho rằng UBND huyện BY vi phạm về thời gian ban hành văn bản giải quyết đối với đơn kiến nghị ghi ngày 14/8/2020. Xét thấy, ngày 14/8/2020 UBND huyện BY nhận được đơn khiếu nại của bà B. Đến ngày 28/8/2020 Chủ tịch UBND huyện BY ban hành văn bản số 92/UBND-TT về việc giải quyết đơn và trả lời công dân, trong đó có nội dung giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan xem xét, giải quyết và trả lời đơn của bà B. Ngày 24/9/2020 UBND huyện BY ban hành văn bản số 107/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của bà B. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Luật tiếp công dân năm 2013, UBND huyện BY có vi phạm về thời hạn thông báo cho bà B biết đơn kiến nghị của bà đang được thụ lý giải quyết. Tuy nhiên vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị B.

[5.2] Đối với nội dung khiếu nại về việc bà Nguyễn Thị B có nhận chuyển nhượng hai thửa đất số 142, 163 của ông Đỗ Xuân H, bà Bùi Thị H có Giấy chuyển nhượng đất ngày 12/11/2020 được cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã BH xác nhận. Bà B đã quản lý sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp nên cần áp dụng các chính sách đền bù, hỗ trợ, tái định cư cho bà B chứ không phải là ông H và bà H. UBND huyện BY chưa xem xét đến quyền lợi của người trực tiếp quản lý sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 08/11/2010 ông Đỗ Xuân H và bà Bùi Thị H có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B diện tích 1.890m^2 (theo đo đạc năm 2004) thửa đất số 142, 163, tờ bản đồ 128, địa chỉ thửa đất tại Bản LH 2, xã BH, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Hai bên có lập Giấy chuyển nhượng đất và hoa màu viết tay, có xác nhận của UBND xã BH ngày 12/11/2010. Tại thời điểm chuyển nhượng hai thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Nguyễn Thị B sử dụng đất ổn định, liên tục không tranh chấp với ai. Tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện thừa nhận nội dung xác minh, quá trình chuyển nhượng sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định: bà B là người sử dụng đất nhưng

người đứng tên, chủ sử dụng đất vẫn là vợ chồng ông H, bà H. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, thửa đất số 142, 163 UBND huyện BY chưa thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho ai. Bà Nguyễn Thị B vẫn là người đang quản lý và sử dụng những thửa đất trên, do đó chưa ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B, bà B cho rằng UBND huyện BY chưa xem xét đến quyền lợi của người trực tiếp quản lý sử dụng đất là không có căn cứ (vì đất chưa bị thu hồi). Khi có quyết định thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 142, 163 tờ Bản đồ số 28 nếu thấy quyền lợi bị ảnh hưởng thì bà B có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định đó để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại với nội dung giữ nguyên văn bản số 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện BY thực hiện giải quyết khiếu nại lại và chấp nhận các vấn đề khiếu nại theo đơn khiếu nại ngày 28/9/2020 khiếu nại đối với văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY: Như đã phân tích ở phần trên, Chủ tịch UBND huyện BY ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thị B buộc Chủ tịch UBND huyện BY thực hiện giải quyết khiếu nại lại và chấp nhận khiếu nại theo đơn khiếu nại ngày 28/9/2020 khiếu nại đối với văn bản 107/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2020 của UBND huyện BY là không có căn cứ.

[7] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Bà Nguyễn Thị B kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000305 ngày 18/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo